TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/6/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Hữu Hiển.

Các hội thẩm dân nhân: Ông Tạ Xuân Xế và bà Đặng Thị Thập

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà*:* Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 75/2021/TLST - KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST – KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST – KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng HTXVN;

Địa chỉ: Số Số N04 Hoàng Đạo Thuý, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Cường; Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T; Chức vụ: Quyền Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh - Ngân hàng HTXVN.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Mạnh Hải; Chức vụ: Phó phòng TD & CSTV. Ông Hải có mặt.

2. Bị đơn: Anh Chu Văn N, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978;

Cùng trú tại: Thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Anh N chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các bản khai tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, do có nhu cầu bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh và đồ gỗ nên vợ chồng anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T có đề nghị vay vốn và được Ngân hàng HTXVN đồng ý cho vay. Sau khi thỏa thuận thì vợ chồng anh N và chị T đã ký với Ngân hàng HTXVN Hợp đồng tín dụng số TCHYP00305/ĐTD ngày 11/12/2013 và Giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng số TCHYP00305/ĐTD ngày 11/12/2013 với nội dung vay vốn như sau: Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng./.); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ; Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 10,5%/tháng. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời điểm trả hết nợ: 11/12/2014.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 (một) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 23, tích là 167,2 m^2 thuộc địa phận thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Chu Văn N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và tài sản khác gắn liền với đất số BL 038770, số vào sổ cấp GCN: CHCH 000276/VP , do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/11/2012, cấp cho ông Chu Văn N.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng cho đến hạn T toán, anh N và chị T không T toán được số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và đã được Ngân hàng tạo điều kiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc và lãi đến ngày 11/01/2016. Hết thời hạn cơ cấu trả nợ trên, anh N và chị T vẫn không thu xếp trả được nợ cho Ngân hàng, mặt khác trong thời gian này, anh N không có mặt tại địa phương và không liên lạc với Ngân hàng. Ngân hàng đã tiến hành làm việc nhiều lần với gia đình anh N, chị T nhưng gia đình không có thái độ hợp tác trả nợ. Do vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của anh N, chị T thành nợ quá hạn từ ngày 31/03/2016.

Ngày 31/12/2019 anh N đã trả được 20.000.000đ tiền nợ gốc, từ đó đến nay không thêm đồng nào.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

+ Toà án buộc anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T phải phải trả ngay cho Ngân hàng HTXVN tổng số nợ còn thiếu tại Hợp đồng tín dụng số TCHYP00305/ĐTD ngày 11/12/2013 và Giấy nhận nợ theo hợp đồng ngày 11/12/2013 tạm tính đến hết ngày 28/6/2022:

Nợ gốc: 330.000.000 đồng; lãi trong hạn + quá hạn: 487.723.250 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 817.723.250 đồng (Tám trăm mười bảy triệu, bảy trăm hai ba ngàn hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 29/12/2021 đến khi tất toán khoản vay theo: Hợp đồng tín dụng số TCHYP00305/ĐTD ngày 11/12/2013 và Giấy nhận nợ theo hợp đồng ngày

11/12/2013 được ký giữa Ngân hàng HTXVN với anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T.

+ Nếu anh N, chị T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là: (1) Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 038770, số vào sổ cấp GCN: CHCH 000276/VP do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/11/2012 cho ông Chu Văn N. Thông tin tại GCN QSDĐ như sau: Thửa đất đất số: 429, tờ bản đồ số 23, tích là 167,2 m^2 ttại địa chỉ: thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; diện tích: 167,2 m2. (2) Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất trên.

+ Trường hợp phát mại tài sản trên mà không đủ T toán cho khoản vay thì anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

+ Về án phí: Anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan.

+ Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn thay đổi ý kiến như tại biên bản hoà giải, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định là 5.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Chu Văn N vắng mặt tại tất cả các buổi triệu tập làm việc của Toà án; đồng bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào năm 2013, do có nhu cầu bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh và đồ gỗ nên vợ chồng chị có vay ngân hàng HTXVN. Sau khi thỏa thuận thì vợ chồng chị ký Hợp đồng tín dụng số TCHYP00305/ĐTD ngày 11/12/2013 và Giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng số TCHYP00305/ĐTD ngày 11/12/2013 với nội dung vay vốn như sau: Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng./.); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ; Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 10,5%/tháng. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời điểm trả hết nợ: 11/12/2014.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 (một) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 23, tích là 167,2 m^2 thuộc địa phận thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Chu Văn N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và tài sản khác gắn liền với đất số BL 038770, số vào sổ cấp GCN: CHCH 000276/VP , do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/11/2012, cấp cho ông Chu Văn N.

Trong quá trình vay, anh chị đã được giải ngân đầy đủ sau khi ký Giấy nhận nợ. Đến khoảng tháng 11/2016, vợ chồng chị không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng do kinh tế khó khăn. Hiện nay tình hình dịch bệnh xảy ra dẫn đến kinh tế gia đình lại càng khó khăn, bị mất thu nhập. Chị T đã được xem Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ mà Ngân hàng nộp kèm đơn khởi kiện, chị xác nhận đây là chữ ký của chị và là khoản vay chung của chị và anh N.

Nay Ngân hàng HTXVN có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị phải trả cả nợ gốc và nợ lãi và nợ lãi quá hạn như tại bản sao kê, chị xác nhận hợp đồng vay, số nợ gốc và thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị cũng đồng ý trả cả gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, tuy N đang trong giai đoạn làm ăn khó khăn, chồng chị lại bỏ đi thường xuyên mặt tại địa phương. Vậy chị đề nghị Ngân hàng giãn nợ để tôi thu xếp cho chị được trả dần. Chị cũng xin đề nghị Ngân hàng miễn giảm một phần lãi cho gia đình chúng tôi.

** Trong vụ án, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người sinh sống trên đất:* Toà án đã nhiều lần triệu tập: anh Chu Đức Nghiệp, sinh năm 2000; anh Chu Đức Đoàn, sinh năm 2003; bà Ngô Thị Thảo (Tỵ), sinh năm 1939; tuy N, anh Nghiệp, anh Đoàn, bà Thảo đều không có mặt tại các buổi làm việc của Toà án. Tòa án đã trực tiếp đi xác minh lấy lời khai của anh Đoàn, anh Nghiệp và bà Thảo (tỵ) thì cả ba người nói không có đóng góp gì vào tài sản mà anh N chị T đã thế chấp với ngân hàng và đề nghị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Quá trình làm việc chị Nguyễn Thị T cũng có ý kiến về nội dung này như sau: anh Chu Đức Nghiệp, sinh năm 2000; anh Chu Đức Đoàn, sinh năm 2003; bà Ngô Thị Thảo (Tỵ), sinh năm 1939 hiện đang ở với chị T cùng nhà, chị có gửi giấy triệu tập mà Toà án gửi cho 02 cháu, tuy N do công việc của các cháu bận, bà Thảo thì tuổi cao nên không lên Toà án làm việc được. Toàn bộ các công trình trên đất gia đình chị xác nhận của đã xây dựng trước thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không liên quan gì đến cháu Nghiệp, cháu Đoàn và bà Thảo nên đề nghị Toà án không đưa những người này vào tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và đến phiên tòa hôm nay, anh Nghiệp, anh Đoàn, bà Thảo vẫn không có ý kiến gì và xin từ chối tham gia tố tụng tại tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn trong vụ án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa tuân thủ theo quy định vắng mặt nên áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ:

+ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 318, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng HTXVN.

+ Buộc anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng HTXVN số nợ tính đến hết ngày 28/6/2022: Nợ gốc: 330.000.000 đồng; lãi trong hạn + quá hạn: 487.723.2500 đồng. Tổng số: 817.723.250. đồng (Tám trăm mười bảy triệu bảy trăm hai nươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/6/2022 đến khi trả hết nợ theo HĐTD đã ký.

+ Trường hợp anh N, chị T không trả được nợ thì Ngân hàng HTXVN có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+ Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng HTXVN khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T có HKTT tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Căn cứ vào giao kết của các bên đều có mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại. Đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cụ thể là của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Yên Phong; bị đơn là anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T có HKTT tại tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Yên Phong giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số: TCHYP00305/ĐTD ký ngày 11/12/2013 giữa Ngân hàng HTXVN anh N, chị T ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về cho vay tài sản. Vì vậy xác định đây là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên, nên cần căn cứ vào các điều khoản quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ do bên nguyên đơn cung cấp: Theo giấy nhận nợ Ngân hàng

cho vợ chồng anh N, chị T số tiền vay: 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng./.); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ; Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 10,5%/tháng. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời điểm trả hết nợ: 11/12/2014. Anh N. Ngày 31/12/2019 chị T đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền là: 20.000.000 đồng tiền gốc. Từ đó đến nay anh N, chị T chưa trả được cho Ngân hàng khoản tiền nào nữa. Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là: 330.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi: Tại hợp đồng cho vay quy định lãi suất cho vay được xác định từ khi giải ngân theo thỏa thuận các bên điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Xét các quy định về lãi suất trong hợp đồng cho vay có hạn mức là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Theo phiếu tính lãi của Ngân hàng thì tính đến ngày đến ngày 28/6/2022, anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T còn nợ NH HTXVN tổng số tiền là: Nợ gốc: 330.000.000 đồng; lãi trong hạn + quá hạn: 487.723.2500 đồng. Tổng số: 817.723.250. đồng (tám trăm tám mươi sáu triệu) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/06/2022 đến khi trả hết nợ theo HĐTD đã ký.

Việc tính lãi như trên là đúng theo hợp đồng cho vay có thời hạn và giấy nhận nợ, nên anh N, chị T phải có trách nhiệm T toán số tiền lãi trên cho Ngân hàng HTXVN.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà anh N, chị T phải trả cho Ngân hàng HTXVN tính đến ngày đến hết ngày 28/6/2022 là: 817.723.250. đồng (trong đó nợ gốc: 330.000.000 đồng; lãi trong hạn + quá hạn: 487.723.250 đồng).

- Về tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 038770 mang tên ông Chu Văn N; thông tin: thửa đất số: 429, tờ bản đồ số: 23, diện tích: 167.2m^2, tại địa chỉ: Thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong cấp ngày 09/11/2012; số vào sổ cấp GCN: CHCH 000276/VP.

Các điều khoản trong hợp đồng thế chấp không trái với quy định của luật, không trái đạo đức xã hội, các bên thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bị đơn có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Việc Nguyên đơn yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, hoặc chỉ trả nợ được một phần là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 5.000.000đ Ngân hàng đã nộp. Căn cứ Điều 157,158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 anh N chị T có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng số tiền 5.000.000đ.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, phía bị đơn có lỗi nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157,158 Điều 227; Điều 228, 266, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 278, 280, 317, 318, 323, 353, 357, 463, 466, 468,470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 90; 91; 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng HTXVN.

2. Buộc anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng HTXVN tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 28/6/2022 là: 817.723.250 đồng (trong đó nợ gốc: 330.000.000 đồng; lãi trong hạn + quá hạn: 487.723.250 đồng).

Kể từ ngày 29/6/2022, anh N, chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa T toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trong trường hợp anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng HTXVN có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 038770 mang tên ông Chu Văn N; thông tin: thửa đất số: 429, tờ bản đồ số: 23, diện tích: 167.2m^2, tại địa chỉ: Thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong cấp ngày 09/11/2012; số vào sổ cấp GCN: CHCH 000276/VP.

Sau khi anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T T toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản của anh Chu Văn N đã thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Cụ thể hoàn trả: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 038770 mang tên ông Chu Văn N; thông tin: thửa đất số: 429, tờ bản đồ số: 23, diện tích: 167.2m^2, tại địa chỉ: Thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc

Ninh; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong cấp ngày 09/11/2012; số vào sổ cấp GCN: CHCH 000276/VP.

4. Về án phí: anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị T phải chịu 36.531.698 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ba mốt nghìn sáu trăm chín tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng HTXVN tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.090.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0004116 ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000đ . Buộc anh N chị T có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng số tiền 5.000.000đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hữu Hiển

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Hà